

Bản án số: 10/2021/HC-ST
Ngày: 16 - 9- 2021
V/v yêu cầu huỷ quyết định
hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Vĩnh Huệ

Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê M Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-HC ngày 10 tháng 6 năm 2021 về "kiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hồ Văn Tr; địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đặng Quang L; địa chỉ: số 331 L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Số 246 L, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thành C – Phó chủ tịch UBND huyện T (theo văn bản ủy quyền số 1383/QĐ-UBND ngày 13/7/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Ngọc A – Trưởng phòng TN-MT huyện T; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Số 246 L, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Vũ Thành C – Phó chủ tịch UBND huyện T (theo quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 14/9/2021); có mặt.

- Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân L – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn A; có mặt.

- Bà Trần Thị H; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Trần Thị H: Ông Hồ Văn Tr; địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 18/6/2021); có mặt.

- Công ty Cổ phần xây dựng số 6; địa chỉ: Quốc lộ 1A, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền Công ty Cổ phần xây dựng số 6: Ông Hồ Văn P – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng số 6 (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2021); có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Hồ Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: 271 Lê Duẩn, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Võ Xuân T, sinh năm 1946; địa chỉ: số 4 Trần Quốc T, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Nguyễn M, sinh năm 1955; địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2021 và ý kiến Tr bày tại phiên tòa ông Hồ Văn Tr khởi kiện với nội dung như sau:

Cuối năm 1991, thị trấn A đang là thôn A thuộc huyện T, vợ chồng ông Tr, bà H khai hoang thửa đất cách Quốc Lộ 1A 400m (phía Đông Nam giáp đường Nguyễn H, phía Đông Bắc giáp Huyện ủy, các cạnh còn lại là rừng trồng). Vợ chồng họ thu gom bom mìn và tiến hành san lấp mặt bằng với diện tích khoảng 5 sào (theo trích lục bản đồ năm 1997 thì thửa đất này nằm một phần trong thửa đất số 79, tờ bản đồ số 5 trong tổng thể diện tích 34.681m²; tại sổ mục kê năm 2018, bản đồ địa chính năm 2018 là thửa 172, tờ bản đồ số 13 với diện tích 2.609,4m² tọa lạc tại thị trấn A huyện T).

Năm 1992, ông Tr, bà H làm nhà ở cấp 4, nhà kho, nhà xưởng sản xuất gạch hoa, trồng cây và sử dụng đất ổn định từ đó đến nay.

Tháng 3 năm 2020, ông Tr có đơn xin hoán đổi đất để thu hồi đất khai hoang gửi Ủy ban nhân dân huyện T, nội dung: Nếu Ủy ban có chủ trương thu hồi đất thì đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T xem xét cấp đổi.

Ngày 14/4/2020, Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản số 1223/UBND-TN trả lời với nội dung: Lô đất mà ông Tr trình bày là không đúng thực tế, thửa đất đó hiện do Công ty cổ phần xây dựng số 6 sử dụng. Tại kết luận số 464/KL-CT ngày 23/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung: *Công ty CPXD số 6 sử dụng 2.200m² đất tại thửa 79 tờ bản đồ số 5 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trái pháp luật, UBND huyện chỉ đạo Công ty tự trả lại đất, giải tỏa trả mặt bằng, trả tiền thuê đất từ năm 2002 – 2005.*

Ngày 11/4/2021, ông Tr tiếp tục có tờ trình về việc yêu cầu giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 19/5/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành văn bản số 1634/UBND-TN về việc “giải quyết kiến nghị của công dân”, với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Tr, lý do: Vào ngày 23/11/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã có Kết luận số 464/KL-CT trong đó có một phần nội dung của kết luận: Thửa đất mà ông Tr có yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Công ty cổ phần xây dựng số 6 sử dụng với diện tích 2.200m² đất tại thửa số 79 tờ bản đồ số 5 từ năm 2002 (nay là thửa 172 tờ bản đồ số 13) cho đến nay chưa được cấp có thẩm quyền cho phép là trái pháp luật nên việc xin cấp đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Ông Hồ Văn Tr không đồng ý với nội dung văn bản số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và ông cho rằng văn bản này xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình, do đó ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ văn bản số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Tr, bà H tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 với diện tích 2.616,2m².

Tại văn bản Tr bày số 2118/UBND-TN ngày 21/6/2021 và tại phiên tòa đại diện của Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến:

Căn cứ theo hồ sơ kết luận thanh tra năm 2005 thì thửa đất mà ông Tr có yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty Cổ phần xây dựng số 6 đang sử dụng, mục đích sử dụng xây nhà kho, làm nơi sản xuất vật liệu xây

dựng, ga ra cho phương tiện cơ giới từ tháng 2 năm 2002 đến nay. Việc sử dụng đất của Công ty Cổ phần xây dựng số 6 đã vi phạm pháp luật đất đai do lấn chiếm trái phép, không phù hợp với quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 21/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn A phối hợp với các cơ quan chuyên môn kiểm tra, đề xuất hướng giải quyết buộc Công ty cổ phần xây dựng số 6 tự giải tỏa tài sản, trả lại nguyên trạng diện tích đất cho nhà nước và phải đóng tiền thuê sử dụng đất theo quy định. Do đó, việc ông Hồ Văn Tr đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Tr là không đúng đối tượng, không đủ điều kiện để xem xét giải quyết, cho nên văn bản số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã trả lời cho ông Hồ Văn Tr là đúng pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật và bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Tr.

Tại văn bản Tr bày số 33/UBND ngày 19/7/2021 và tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn A có ý kiến:

Việc ông Tr cho rằng nguồn gốc thửa đất do gia đình ông khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 2002 cho đến nay là không có căn cứ. Vì theo bản đồ địa chính cũng như tại sổ mục kê năm 1997; sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 2018 thì thửa đất do Ủy ban nhân dân thị trấn A quản lý thể hiện bãi đất bằng, hoang hóa chưa sử dụng có ký hiệu BCS và gia đình ông Tr cho đến nay vẫn không có sổ hộ khẩu cư trú trên địa bàn thị trấn. Mặc dù Công ty Cổ phần xây dựng số 6 sử dụng thửa đất trên ổn định trước ngày 01/7/2004, nhưng việc sử dụng đất trái phép, không đúng quy hoạch đã phê duyệt, đã được xử lý tại Kết luận số 464/KL-CT ngày 23/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc "thanh tra việc giao, quản lý và sử dụng đất đai tại thị trấn A, huyện T".

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Ý kiến của Công ty Cổ phần xây dựng số 6:

Công ty Cổ phần xây dựng số 6 có địa chỉ tại số 261 đường Lê Duẩn, thị trấn A. Công ty chỉ mượn một phần thửa đất số 172 tại tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn A, huyện T của gia đình ông Hồ Văn Tr để sử dụng làm nơi tập kết phương tiện, vật liệu sản xuất. Ông Hồ Văn Tr chủ đất đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị và giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 6. Tài sản trên đất như: Nhà ở cấp 4, xưởng sản xuất mộc và gạch hoa, tường rào xây bao quanh, cây cối trên đất là của hộ ông Tr xây dựng nên và không đưa vào hoạch toán tài sản của Công ty.

Trước đây, vào ngày 10/7/2002 ông Hồ Văn M là Phó Giám đốc Công ty xây dựng số 6 ký đơn xin nhà nước cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng số 6 thuê đất nhưng không được giải quyết. Việc làm của ông M không đúng thẩm quyền khi chưa được Giám đốc Công ty ủy quyền nên trái với điều lệ của Công ty. Do đó, các văn bản do ông M ký với chức danh Phó Giám đốc không có giá trị pháp lý. Việc Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân thị trấn A đều cho rằng diện tích đất tại thửa 172, tờ bản đồ số 13 là do Công ty cổ phần xây dựng số 6 lấn chiếm, sử dụng trái phép là không đúng thực tế vì cho đến nay Công ty cổ phần xây dựng số 6 không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về đất đai.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị H có văn bản ủy quyền cho ông Tr tham gia tố tụng và hoàn toàn đồng ý theo ý kiến của ông Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá Tr giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Tr, yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T kiểm tra, xem xét giải quyết đơn của ông Hồ Văn Tr theo đúng Tr tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai 2013.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T chấn chỉnh công tác quản lý đất đai và giải quyết đơn của công dân trên địa bàn để hoạt động này đi vào nề nếp, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về án phí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ,

ý kiến của kiểm sát viên, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đối tượng khởi kiện:

Vào tháng 3 năm 2020 và ngày 11/4/2021, ông Tr có tờ Tr gửi Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng là 2.616,2m² thuộc thửa 172, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn A, huyện T. Ngày 19/5/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 1634/UBND-TN về việc “giải quyết kiến nghị của công dân” với nội dung không xem xét, giải quyết yêu cầu do không đủ điều kiện, đối tượng sử dụng đất. Do quyết định số 1634/UBND-TN chứa đựng những nội dung liên quan, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà người khởi kiện cho rằng không đúng pháp luật và khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ. Cho nên Quyết định số 1634/UBND-TN là Quyết định hành chính cá biệt, là đối tượng khởi kiện trong vụ án. Do đối tượng khởi kiện căn cứ vào một phần nội dung kết luận số 464/KL-CT ngày 23/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; quyết định số 1223/UBND-TN ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T là quyết định hành chính có liên quan.

[1.2]. Về thẩm quyền xét xử:

Quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành là đối tượng khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3]. Về thời hiệu: Ngày 11/4/2021 ông Hồ Văn Tr có đơn yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/5/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quyết định hành chính không chấp nhận yêu cầu.

Ngày 28/5/2021, ông Hồ Văn Tr khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết là trong thời hạn khởi kiện quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.4]. Về thủ tục đối thoại:

Quá Tr giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổ chức 02 phiên đối thoại vào các ngày 23/6/2021 và ngày 22/7/2021. Quá trình đối thoại các đương sự không thống nhất được với nhau về nội dung giải quyết trong vụ án. Nên Tòa án đã lập biên bản giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành đối thoại được và mở

phiên toà xét xử vụ án theo quy định tại Điều 139, khoản 1 Điều 140 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét căn cứ và tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện.

[2.1]. Về Thẩm quyền ban hành:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 quy định: *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là người đứng đầu Ủy ban nhân dân huyện và có nhiệm vụ lãnh đạo, điều hành công việc của Ủy ban nhân dân..."*

Căn cứ vào Điều 100, Điều 101, khoản 1 Điều 208 Luật đất đai 2013 quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021:

Khi nhận được tờ Tr ngày 11/4/2021 của ông Hồ Văn Tr về việc giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải xác định đây là đơn yêu cầu về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và văn bản phải do Chủ tịch ký thay mặt Ủy ban nhân dân, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân cần chỉ đạo thành lập tổ xác minh theo quy định của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết Luật đất đai 2013 và căn cứ vào Điều 100, 101 Luật đất đai 2013 để xác định yêu cầu của ông Tr có đúng đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành văn bản với hình thức, nội dung được ký theo thẩm quyền riêng. Tại phiên tòa, đại diện của người bị kiện khẳng định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết yêu cầu của ông Tr theo thẩm quyền riêng là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T chỉ căn cứ vào kết luận số 464/KL-CT ngày 23/11/2005 để ban hành quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 là không đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật khiếu nại 2011.

[2.3]. Xét căn cứ để ban hành quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021:

[2.3.1] về nguồn gốc thửa đất:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2021 của Tòa án thì tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13, diện tích sử dụng là 2.616,2m² có nhà ở cấp 4, nhà xưởng, kho để vật liệu được xây dựng từ năm 1992 và các cây lưu niên trên 20 – 30 năm tuổi. Tuy nhiên, sổ mục kê thị trấn A năm 1997 tại thửa đất số

79, tờ bản đồ số 5 có diện tích 34.681m² bao gồm cả thửa đất này nhưng không nêu hiện trạng. Tại sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 2018 xác định là thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có diện tích 2.609,4 m² do Ủy ban nhân dân thị trấn A quản lý đều xác định là đất hoang bằng, chưa sử dụng (ký hiệu BCS) là không đúng thực tế do công tác quản lý quỹ đất trên địa bàn của huyện T có nhiều vi phạm. Tại phiên tòa ông Võ Xuân T (nguyên bí thư huyện T) và ông Nguyễn M (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn A) đều xác nhận vợ chồng ông Tr, bà H khai hoang, lập nghiệp trên thửa đất 172, tờ bản đồ số 13 (trước đây là thửa số 79, tờ bản đồ số 5) từ năm 1992, sau đó đã làm nhà, xưởng, kho tập kết, mua bán vật liệu xây dựng trước khi hình thành khu dân cư và khối trụ sở cơ quan trên thị trấn A. Như vậy, có cơ sở để xác định ông Tr, bà H là người sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ năm 1992 cho đến nay.

[2.3.2] Quá Tr sử dụng đất và quy trình xử lý vi phạm:

Từ năm 1992 cho đến nay, vợ chồng ông Tr, bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp có thẩm quyền hướng dẫn đăng ký đất đai hay bị xử lý hành chính về vi phạm đất đai. Những nội dung này đã được Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân thị trấn A thừa nhận. Trong năm 2002, Công ty TNHH xây dựng số 6 (sau này vào năm 2004 chuyển đổi thành Công ty cổ phần xây dựng số 6) có đơn xin thuê đất đều do ông Hồ Văn M với chức danh Phó Giám đốc công ty ký nhưng chưa được ông Hồ Văn Tr là Giám đốc công ty ủy quyền và không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Việc làm của ông M là trái điều lệ Công ty, không đúng quy định tại Điều 36 của Luật doanh nghiệp 1999 nên không có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tại một phần nội dung Kết luận 464/KL-CT ngày 23/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xác định: Công ty Cổ phần xây dựng số 6 sử dụng thửa đất 79 tờ bản đồ số 5 là trái phép, và không đúng với quy hoạch chung của thị trấn A. Mặc dù vậy, đến thời điểm hiện nay khi xét xử vụ án, Ủy ban nhân dân huyện T cũng chưa ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với đối tượng sử dụng đất trái phép mà kết luận số 464/KL-CT đã nêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh số 44/PL-UBTVQH ngày 02/7/2002 về xử lý vi phạm hành chính về đất đai quy định: “cơ quan có thẩm quyền buộc người vi phạm phải khắc phục hậu quả, khôi phục lại tình trạng ban đầu”. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty cổ phần xây dựng số 6 hay vợ chồng ông Tr, bà H chưa nhận bất cứ biên bản vi phạm hành chính hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính liên quan tới việc sử dụng đất trái phép. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính

số 44/PL-UBTVQH hay điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 quy định thời hạn của thời hiệu xử phạt vi phạm trong lĩnh vực đất đai là 02 năm. Do đó, nội dung Kết luận 464/KL-CT ngày 23/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã hết thời hiệu xử lý, không còn hiệu lực pháp luật để thi hành nên không cần xem xét.

Đối với quyết định số 1223/UBND-TN ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T cũng đã căn cứ nội dung kết luận 464/KL-CT hết hiệu lực thi hành mà không áp dụng Luật đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết Luật đất đai 2013, các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013 để không giải quyết yêu cầu của ông Hồ Văn Tr là không đúng pháp luật nên cần tuyên hủy.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật đất đai 2013, thấy: Thửa đất mà ông Hồ Văn Tr đã khai hoang, sử dụng liên tục, ổn định, không có tranh chấp, không vượt quá hạn mức giao trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2014, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nên vợ chồng ông Hồ Văn Tr đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Ngày 19/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 1634/UBND-TN không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Hồ Văn Tr. Cho nên, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Tr. Hủy quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và quyết định số 1223/UBND-TN ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T tiếp nhận hồ sơ, giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn Tr, Bà Trần Thị H tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 với diện tích 2.616,2m² tọa lạc tại thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của pháp luật đất đai 2013.

Về án phí: Người khởi kiện không phải chịu án phí, người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn Tr thuận chịu số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T chấn chỉnh công tác quản lý đất đai trên địa bàn và giải quyết đơn yêu cầu của công dân theo đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 139; khoản 1 Điều 140 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và Điều 20, nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Tr.

- Hủy quyết định số 1634/UBND-TN ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; quyết định số 1223/UBND-TN ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T tiếp nhận hồ sơ, giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn Tr, Bà Trần Thị H tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 với diện tích 2.616,2m² tọa lạc tại thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của pháp luật đất đai 2013.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Hồ Văn Tr không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng mà người khởi kiện đã nộp theo biên lai số AA/2010/000835 ngày 01/6/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn Tr thuận chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Hồ Văn Tr đã nộp đủ.

3. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Viết Nam

